

Số: 29/2019/QĐST-HNGĐ

N, ngày 26 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2019/TLST- HNGĐ ngày 26/02/2019 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Giữa:

Nguyên đơn: **Anh Lê Văn T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 3, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn T2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: **Chị Đỗ Thị T3**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 3, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T3.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T3 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị T3 có 01 con chung Lê Quang V, sinh ngày 17/9/2013. Chị T3 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ thời gian cấp dưỡng

tính từ tháng 3/2019 cho đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản, quyền sử dụng đất và công nợ chung: Anh T và chị T3 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001857 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống. Chấp nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T1, h. N;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Tình